

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 – 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VINAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Khái quát

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 16 ngày 08/02/2021 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng...

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 tòa nhà VTC online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính riêng

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/CVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2020 đã thông qua phương án phát hành 8.250.000 cp cho cổ đông hiện hữu với giá bán dự kiến 10.000đ/cp, và phát hành riêng lẻ 8.250.000 cp cho cổ đông chiến lược (Nghị quyết hội đồng quản trị số 14.12/2020 ngày 14/12/2020 thông qua việc các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ đồng ý không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu). Ngày 11/01/2021 Công ty đã hoàn thành đợt chào bán phát hành riêng lẻ 8.250.000 cp cho cổ đông chiến lược với tổng giá trị thu được là 99 tỷ đồng.

- Ngày 14/01/2021 Công ty đã chuyển 20 tỷ đồng cho Công ty TNHH VINAM Vững Áng (là Công ty con của Công ty) thực hiện đặt cọc theo hợp đồng gia công thực phẩm số 08.01/2021/VINAM – VUNGANG/HĐGC ngày 08/01/2021.

- Ngày 14/01/2021 Công ty đã chuyển 35 tỷ đồng (100% giá trị đơn đặt hàng) cho Công ty CP Thực phẩm Chế biến Nhật Phú Nguyên theo hợp đồng 01/2020 ngày 20 tháng 08 năm 2020, phụ lục 03.0601.2021 ngày 06/01/2021 để mua 700.000 kg gà đông lạnh. Thời gian giao hàng trong vòng 45 ngày kể từ khi Công ty CP Thực phẩm Chế biến Nhật Phú Nguyên nhận được tiền hàng.

Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 0302/2021/NQHĐQT/CVN ngày 03/02/2021 quyết định thành lập Công ty cổ phần Công nghệ cao G7 với tổng vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty CP VINAM góp 49 tỷ đồng chiếm 98% vốn điều lệ.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên	Đến ngày 29/06/2020
Bà Hà Thị Thu Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên	Từ ngày 29/06/2020

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mạnh Cường Giám đốc/ Đại diện pháp luật

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đào Thị Thanh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 7 đến trang 32, và cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021

Số: 140/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần VINAM, được lập ngày 07/04/2021, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty CP VINAM tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)
Phó Giám đốc



Lê Hồng Đào

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1732-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Chí Thanh

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2819-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.875.749.870	68.266.979.386
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.128.221.379	833.392.913
1. Tiền	111		4.128.221.379	833.392.913
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	39.713	22.295.039.713
1. Chứng khoán kinh doanh	121		35.799.713	23.760.799.713
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35.760.000)	(1.465.760.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.816.651.104	21.750.000.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	17.990.555.213	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	26.635.000.000	20.150.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	15.000.000.000	-
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	191.095.891	1.600.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		8.827.707.660	23.367.924.475
1. Hàng tồn kho	141	V.7	8.827.707.660	23.367.924.475
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		103.130.014	20.622.285
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	152	V.8	55.322.917	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ			47.807.097	20.622.285
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.475.665.865	12.353.382.030
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.935.665.865	2.753.382.030
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	8.935.665.865	2.753.382.030
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		47.540.000.000	9.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	47.540.000.000	9.600.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		129.351.415.735	80.620.361.416

352
CỔ
CHÍNH
CHÍNH
TÀI CHÍNH
NAM
TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.899.342.779	515.547.983
I. Nợ ngắn hạn	310		1.899.342.779	515.547.983
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	50.000.000	5.000.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.534.567.228	295.924.650
3. Phải trả người lao động	314		226.637.804	49.530.377
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	-	120.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	43.044.791	-
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.092.956	45.092.956
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.452.072.956	80.104.813.433
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	127.452.072.956	80.104.813.433
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.499.940.000	82.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.499.940.000	82.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.600.000.000	2.600.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.156.232.361	(5.191.087.162)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.191.087.162)	(8.705.072.245)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		14.347.319.523	3.513.985.083
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		129.351.415.735	80.620.361.416

Người lập biểu



Ngô Thị Tâm

Kế toán trưởng



Cao Thị Minh Nguyệt



Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021

34-C.
TY
HỮU
VĂN
Ế TOÁ
OÁN
ET
CHÍ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	31.300.040.980	8.900.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.300.040.980	8.900.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	18.549.573.590	4.400.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.750.467.390	4.500.000.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	59.691.845.018	1.307.475.382
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.263.524.738	1.430.000.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.612.548.997	578.463.058
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.566.238.673	3.799.012.324
11. Thu nhập khác	31	VI.6	8	180.902.000
12. Chi phí khác	32	VI.6	11.285.747	170.004.591
13. Lợi nhuận khác	40		(11.285.739)	10.897.409
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.554.952.934	3.809.909.733
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	707.693.411	295.924.650
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		63.847.259.523	3.513.985.083

Người lập biểu



Ngô Thị Tâm

Kế toán trưởng



Cao Thị Minh Nguyệt



Giám đốc

Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			64.554.952.934	3.809.909.733
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		(1.430.000.000)	1.430.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59.691.845.018)	(1.307.475.382)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.433.107.916	3.932.434.351
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(39.393.835.916)	(2.670.886.552)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.357.932.980	(239.268.205)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		676.101.385	174.530.377
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(55.322.917)	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		23.725.000.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.257.016.552)	1.196.809.971
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(37.940.000.000)	(4.800.000.000)
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		60.991.845.018	1.307.475.382
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		23.051.845.018	(3.492.524.618)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.294.828.466	(2.295.714.647)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		833.392.913	3.129.107.560
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		4.128.221.379	833.392.913

Người lập biểu



Ngô Thị Tâm

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021

Kế toán trưởng



Cao Thị Minh Nguyệt



Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

VINAM

Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

M.S.D.N: 0102174005

C.T.C.P.

Nguyễn Mạnh Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty Cổ Phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 16 ngày 08/02/2021 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 tòa nhà VTC online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị dụng cụ y tế, kinh doanh thực phẩm

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con:

Tên	Ngành hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam	Bán máy móc thiết bị y tế	4.800.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	Bán máy móc thiết bị y tế	4.800.000.000	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	Bán máy móc thiết bị cơ khí	6.000.000.000	99%	99%
Công ty TNHH Vinam Vững Áng	Chế biến thực phẩm	11.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí	30.000.000.000	70%	70%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Trong năm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh: Là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và xác định được giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu, và thu tiền.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo.

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

15. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

4-C
TY
TƯ
V
TO
ÁN
CH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán riêng khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

18. Ảnh hưởng của Covid-19 và các quy định mới

Sự bùng phát của đại dịch Virus Corona 2019 ("Covid-19") từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam cùng với các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nguy cơ lây nhiễm covid cao từ thực phẩm nhập khẩu đặc biệt là thực phẩm đông lạnh. Bộ y tế đã yêu cầu các đơn vị liên quan thực hiện xét nghiệm covid-19 đối với các thực phẩm đông lạnh nhập khẩu vì khả năng sinh tồn của Virus trên sản phẩm này rất dài, Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm vẫn thực hiện giám sát, xét nghiệm thực phẩm nhập khẩu. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	673.682.000	825.093
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.454.539.379	832.567.820
Cộng	4.128.221.379	833.392.913

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 6, tòa nhà VTC online, Số 18 Tam Trinh, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	35.799.713	39.713	-	35.760.000
Công ty CP SXKD Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (0 CP)	-	-	-	-
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 CP)	35.799.713	39.713	35.799.713	39.713
				35.760.000

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Đầu tư vào công ty con			9.600.000.000	
Công ty TNHH Công trình và Thiết bị kỹ thuật Miền nam (b1)	100%	100%	4.800.000.000	100%
Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học (b2)	100%	100%	4.800.000.000	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo (b3)	99%	99%	5.940.000.000	-
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng (b4)	100%	100%	11.000.000.000	-
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (b5)	70%	70%	21.000.000.000	-

(b1) Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam: Được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 2011/2018/NQHDQT/CVN ngày 20/11/2018. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300309142 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hậu Giang cấp với vốn điều lệ 4.800.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam là 4.800.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(b2) Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học: Được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 1012/2018/NQHĐQT/CVN ngày 10/12/2018. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2601021142 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp với vốn điều lệ 4.800.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học là 4.800.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ.

(b3) Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo tiền thân là Công ty Cổ phần Vinam Quảng Ninh: Được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 1811/2019/NQHĐQT/CVN ngày 18/11/2019. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5702024681 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty CP Vinam góp 5.940.000.000 đồng chiếm 99% vốn điều lệ.

(b4) Công ty TNHH Vinam Vũng Áng: Được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 0907/2020/NQHĐQT/CVN ngày 09/07/2020. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002186193 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp với vốn điều lệ 11.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty CP Vinam góp 11.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ.

(b5) Công ty TNHH Vinam Sài Gòn: Được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 1410/2019/NQHĐQT/CVN ngày 14/10/2019. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315980715 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty CP Vinam góp 21.000.000.000 đồng chiếm 70% vốn điều lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Aiko	17.990.555.213	-
Cộng	17.990.555.213	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP TPCB Nhật Phú Nguyên (*)	26.600.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị y học Nhật	-	13.500.000.000
Công ty cổ phần Sara Vũng Tàu	-	6.500.000.000
Đối tượng khác	35.000.000	150.000.000
Cộng	26.635.000.000	20.150.000.000

(*) Ứng trước cho Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên đồng để thực hiện mua gà đông lạnh theo đơn đặt hàng số 01.2020 ngày 28/09/2020, hợp đồng nguyên tắc số 01/2020 ngày 20/08/2020/CVN-NPN ngày 20/08/2020. Hai bên đã thỏa thuận không thực hiện tiếp đơn đặt hàng này và trong tháng 3/2021 Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên đã hoàn trả lại tiền.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên	15.000.000.000	-
Cộng	15.000.000.000	-

Cho Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên vay vốn trị giá 15 tỷ đồng theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 28.09.2020/HĐHTV/CVN-NPN, thời hạn hỗ trợ đến hết 28/12/2020, phụ lục số 02.2912.2020 ngày 29/12/2020 gia hạn thời gian hỗ trợ đến hết 28/03/2021, lãi suất 5%/năm. Ngày 25/03/2021 Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên đã hoàn trả số tiền này.

6. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu cổ tức	-	1.300.000.000
Phải thu khác	191.095.891	300.000.000
Cộng	191.095.891	1.600.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	8.090.005
Hàng hóa	8.827.707.660	23.359.834.470
Cộng	8.827.707.660	23.367.924.475

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí khác	55.322.917	-
Cộng	55.322.917	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lắp đặt hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang	2.707.162.035	2.753.382.030
Lắp đặt hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu	6.228.503.830	-
Cộng	8.935.665.865	2.753.382.030

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	-	-	5.000.000	5.000.000
Công ty Cổ Phần LEOPARD	50.000.000	50.000.000	-	-
Cộng	50.000.000	50.000.000	5.000.000	5.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	94.304.370	94.304.370	-
Thuế xuất nhập khẩu		123.005.700	123.005.700	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	295.924.650	707.693.411	295.924.650	707.693.411
Thuế thu nhập cá nhân		827.868.317	994.500	826.873.817
Thuế, các khoản nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	295.924.650	1.755.871.798	517.229.220	1.534.567.228

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí phải trả khác	-	120.000.000
Cộng	-	120.000.000

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	15.129.791	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.415.000	-
Phải trả khác	25.500.000	-
Cộng	43.044.791	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	82.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(8.705.072.245)	76.590.828.350
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.513.985.083	3.513.985.083
Số dư đầu năm nay	82.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(5.191.087.162)	80.104.813.433
Lãi trong năm nay	-	-	-	63.847.259.523	63.847.259.523
Tăng vốn trong năm (*)	32.999.940.000	-	-	(32.999.940.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(16.500.000.000)	(16.500.000.000)
Số dư cuối năm nay	115.499.940.000	2.600.000.000	195.900.595	9.156.232.361	127.452.072.956

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/CVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2020 đã thông qua phương án phát hành 3.300.000 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu tương đương tỷ lệ 40%. Ngày 08/12/2020 Công ty đã hoàn thành phát hành 3.229.994 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, số cổ phiếu lẻ được hủy bỏ 6 cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	%	01/01/2020 VND	%
Công ty CP Quản lý Quỹ Bông sen	1.610.000.000	1,39	8.700.000.000	10,55
Ngô Văn Bình	14.000.000.000	12,12	-	-
Các đối tượng khác	99.889.940.000	86,49	73.800.000.000	89,45
Cộng	115.499.940.000	100	82.500.000.000	100

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	82.500.000.000	82.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	32.999.940.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	115.499.940.000	82.500.000.000

d Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.549.994	8.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.549.994	8.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.549.994	8.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.549.994	8.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.549.994	8.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Doanh thu		
Doanh thu bán máy, thiết bị	29.052.519.330	8.900.000.000
Doanh thu bán thực phẩm, nông sản	2.136.027.150	-
Doanh thu lắp đặt	111.494.500	-
Cộng	31.300.040.980	8.900.000.000

b. Doanh thu với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1 trang 29

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn máy, thiết bị	16.396.986.480	4.400.000.000
Giá vốn thực phẩm, nông sản	2.041.092.610	
Giá vốn hoạt động lắp đặt	111.494.500	-
Cộng	18.549.573.590	4.400.000.000

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	191.845.018	7.475.382
Cổ tức, lợi nhuận được chia	59.500.000.000	1.300.000.000
Cộng	59.691.845.018	1.307.475.382

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ từ bán các khoản đầu tư	6.257.755.178	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	1.430.000.000
Chi phí tài chính khác	5.769.560	-
Cộng	6.263.524.738	1.430.000.000

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	1.123.707.813	249.255.385
Chi phí khác	488.841.184	329.207.673
Cộng	1.612.548.997	578.463.058

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

6. Thu nhập khác, chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Thu nhập khác		
Thu nhập khác	8	180.902.000
Cộng	8	180.902.000
b. Chi phí khác		
Các khoản truy thu, vi phạm hành chính	11.285.747	170.004.591
Cộng	11.285.747	170.004.591

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.554.952.934	3.809.909.733
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(59.500.000.000)	(2.330.286.484)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	170.004.591
+ Chi phí không được khấu trừ	-	170.004.591
- Các khoản điều chỉnh giảm	59.500.000.000	2.500.291.075
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	59.500.000.000	1.300.000.000
+ Lỗ các năm trước chuyển sang	-	1.200.291.075
Tổng lợi nhuận tính thuế	5.054.952.934	1.479.623.249
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.010.990.587	295.924.650
Giảm 30% thuế TNDN năm 2020 theo NQ 116/2020/QH14	(303.297.176)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	707.693.411	295.924.650

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm Công ty phát sinh các nghiệp vụ khác với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo	Công ty con	Góp vốn	5.940.000.000
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng	Công ty con	Góp vốn	11.000.000.000
		Bán hàng	3.336.027.150
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn	21.000.000.000

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, Thù lao	476.083.333	191.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là mua bán máy móc thiết bị, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan: Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính là: Rủi ro tín dụng, Rủi ro thanh khoản, Rủi ro thị trường

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau :

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Số cuối năm	1.851.834.823	-	1.851.834.823
Phải trả người bán	50.000.000	-	50.000.000
Phải trả khác	1.801.834.823	-	1.801.834.823
Số đầu năm	470.455.027	-	470.455.027
Phải trả người bán	5.000.000	-	5.000.000
Chi phí phải trả	120.000.000	-	120.000.000
Phải trả khác	345.455.027	-	345.455.027

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

e) Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền	4.128.221.379	-	833.392.913	-
Chứng khoán	35.799.713	(35.760.000)	23.760.799.713	(1.465.760.000)
Phải thu khách hàng	17.990.555.213	-	-	-
Trả trước người bán	26.635.000.000	-	20.150.000.000	-
Phải thu cho vay	15.000.000.000	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	47.540.000.000	-	9.600.000.000	-
Phải thu khác	191.095.891	-	1.600.000.000	-
Cộng	111.520.672.196	(35.760.000)	55.944.192.626	(1.465.760.000)

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả cho người bán	50.000.000	5.000.000
Chi phí phải trả	-	120.000.000
Phải trả khác	1.801.834.823	345.455.027
Cộng	1.851.834.823	470.455.027

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2020 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

5. Thông tin về các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/CVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2020 đã thông qua phương án phát hành 8.250.000 cp cho cổ đông hiện hữu với giá bán dự kiến 10.000đ/cp, và phát hành riêng lẻ 8.250.000 cp cho cổ đông chiến lược (Nghị quyết hội đồng quản trị số 14.12/2020 ngày 14/12/2020 thông qua việc các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ đồng ý không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu). Ngày 11/01/2021 Công ty đã hoàn thành đợt chào bán phát hành riêng lẻ 8.250.000 cp cho cổ đông chiến lược cho 4 cổ đông với tổng giá trị thu được là 99 tỷ đồng.

- Ngày 14/01/2021 Công ty đã chuyển 20 tỷ đồng cho Công ty TNHH VINAM Vững Áng (là Công ty con của Công ty) thực hiện đặt cọc theo hợp đồng gia công thực phẩm số 08.01/2021/VINAM – VUNGANG/HĐGC ngày 08/01/2021.

- Ngày 14/01/2021 Công ty đã chuyển 35 tỷ đồng (100% giá trị đơn đặt hàng) cho Công ty CP thực phẩm Chế biến Nhật Phú Nguyên theo hợp đồng 01/2020 ngày 20/08/2020, phụ lục 03.0601.2021 ngày 06/01/2021 để mua 700.000 kg gà đông lạnh. Thời gian giao hàng trong vòng 45 ngày kể từ khi Công ty CP thực phẩm Chế biến Nhật Phú Nguyên nhận được tiền hàng.

Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 0302/2021/NQHĐQT/CVN ngày 03/02/2021 quyết định thành lập Công ty cổ phần Công nghệ cao G7 với tổng vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty CP VINAM góp 49 tỷ đồng chiếm 98% vốn điều lệ.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Người lập biểu



Ngô Thị Tâm

Kế toán trưởng



Cao Thị Minh Nguyệt

Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021